

Bản án số: 14/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 26/6/2020.
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải;
2. Bà Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 26/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST - HNGĐ ngày 05/5/2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang M – Sinh năm 1972."Có mặt".

Địa chỉ: Thôn 4A2, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị X – Sinh năm 1976."Có mặt".

Địa chỉ: Thôn 4A2, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/5/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, anh Nguyễn Văn Môn (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và cô Xuân lấy nhau từ năm 1994 và không đăng ký kết hôn. Trên cơ sở tự nguyện. Hai người chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô Xuân có quan hệ với người đàn ông khác, sau đó hai người thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát nhau, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại hai vợ chồng đang sống ly thân từ tháng 3 năm 2020. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Xuân.

2. *Về con chung:* Anh Môn khai anh và cô Xuân có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thanh Thủy, sinh ngày 09/12/1995; Nguyễn Thị Nhài, sinh ngày 21/9/1998. Các cháu đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn cháu Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 31/3/2007, tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Như, không yêu cầu cô Xuân phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai của cháu Quỳnh cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng bố.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) chị Trần Thị X trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Môn lấy nhau từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi không hợp nhau nữa.

Nay anh Môn xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị Xuân khai hai vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị Thanh Thủy, sinh ngày 09/12/1995; Nguyễn Thị Nhài, sinh ngày 21/9/1998. Các cháu đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn cháu Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 31/3/2007, tôi đồng ý cho cháu ở với bố. Tôi không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Nguyễn Quang M, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Môn xin ly hôn với chị Xuân, chị Xuân có hộ khẩu thường trú tại xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Xuân và anh Môn chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2020 thì anh Môn khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Quang M lấy nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Môn và chị Xuân tính tình không hợp nhau, không còn yêu thương nhau dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau. Họ hàng hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Xuân và anh Môn đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai người đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa anh Môn vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Xuân. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho hai người khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Môn và áp dụng

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử không công nhận chị Trần Thị X và anh Nguyễn Quang M là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thanh Thủy, sinh ngày 09/12/1995; Nguyễn Thị Nhài, sinh ngày 21/9/1998. Các cháu đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn cháu Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 31/3/2007, còn nhỏ có nguyện vọng được ở cùng bố và chị Xuân cũng đồng ý cho cháu ở với bố. Chị Xuân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ lấy về: Không có

[6.2]. Tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Môn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Không công nhận chị Trần Thị X và anh Nguyễn Quang M là vợ chồng.

2 - Về con chung: - Chấp nhận yêu cầu của chị Xuân và anh Môn là không yêu cầu Tòa án giải quyết về 02 con chung là cháu Thủy và cháu Nhài vì đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Giao con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 31/3/2007 cho anh Môn trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Chị Xuân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của chị Trần Thị X và anh Nguyễn Quang M.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Môn phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Môn đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003390 ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

5- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N L, H ĐB;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

